TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 9 - 2018

V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Tiến Hùng

Bà Hoàng Thị Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị T1. Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Văn T2. Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị T1 trình bày: Chị và anh Triệu Văn T2 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi năm 2008, đến ngày 13/10/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn được tìm hiểu nhau, hôn

nhân tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, anh Triệu Văn T2 thường xuyên đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn anh Triệu Văn T2; khi ly hôn yêu cầu anh Triệu Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Triệu Minh P, sinh ngày 21/9/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị cấp dưỡng nuôi con mức 800.000 đồng/tháng và thanh toán theo từng tháng. Tài sản chung gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 rộng 80m^2 và 01 xe máy hiệu HONDA WAVE RSX, chị tự nguyện để cho anh Triệu Văn T2 quản lý, sử dụng. Vay nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Triệu Văn T2 trình bày: Quan hệ hôn nhân như chị Triệu Thị T1 trình bày là đúng. Chị Triệu Thị T1 xin ly hôn anh không nhất trí, anh chỉ nhất trí ly hôn nếu chị Triệu Thị T1 trả lại cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và đất ruộng. Nếu phải ly hôn anh Triệu Văn T2 nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Minh P sinh ngày 21/9/2009, về cấp dưỡng nuôi con chung anh Triệu Văn T2 nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng nhưng phương thức cấp dưỡng thanh toán theo năm, (năm nào thanh toán năm đấy), không tính theo tháng như chị Triệu Thị T1 yêu cầu. Nếu chị Triệu Thị T1 không đồng ý cấp dưỡng theo phương thức tính theo năm thì anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nữa. Tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 4 rộng 80m^2 và 01 xe máy hiệu HONDA WAVE RSX đăng ký ngày 04/12/2015 biển kiểm soát anh Triệu Văn T2 không nhớ, chị Triệu Thị T1 yêu cầu anh trực tiếp quản lý sử dụng anh không nhất trí mà yêu cầu để lại cho con trai Triệu Minh P. Vay nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2018, con chung của chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 là cháu Triệu Minh P trình bày bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 thống nhất với nhau anh Triệu Văn T2 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Minh P, sinh ngày 21/9/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thống nhất thỏa thuận để lại tài sản chung bao gồm 01 ngôi nhà cấp 4 rộng 80m^2 tại Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng sơn và 01 xe máy hiệu HONDA WAVE RSX đăng ký ngày 04/12/2015 cho con trai Triệu Minh P quản lý, sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thỏa thuận thống nhất được với nhau:

Quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T1 xin được ly hôn anh Triệu Văn T2, anh Triệu Văn T2 chỉ đồng ý ly hôn nếu chị Triệu Thị T1 đưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở, đất ruộng.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Triệu Thị T1 yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mức 800.000 đồng/tháng phương thức cấp dưỡng hàng tháng, nếu anh

Triệu Văn T2 yêu cầu cấp dưỡng mức 800.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng năm, năm nào thanh toán năm đấy chị không nhất trí; nếu cấp dưỡng theo năm, năm nào thanh toán năm đấy thì chị chỉ đồng ý được với mức 500.000đồng/tháng. Anh Triệu Văn T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mức 800.000 đồng/tháng phương thức cấp dưỡng theo năm, năm nào thanh toán năm đấy.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai, tiến hành hoà giải, đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền lợi và thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Triệu Thị T1 được ly hôn với anh Triệu Văn T2; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con chung; không xem xét giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung do các đương sự không có yêu cầu. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do hai bên đương sự không thống nhất được với nhau đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, không bị lừa dối. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị Triệu Thị T1 xin ly hôn anh Triệu Văn T2 không nhất trí chỉ nhất trí ly hôn nếu chị Triệu Thị T1 đưa trả lại anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và đất ruộng. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 hợp pháp, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng giữa chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 không có hạnh phúc vì mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Yêu cầu của anh Triệu Văn T2 chỉ đồng ý ly hôn khi chị Triệu Thị T1 đưa trả lại anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và đất ruộng, chị Triệu Thị T1 không thừa nhận được lấy. Thấy rằng yêu cầu này của anh không liên quan đến việc giải quyết quan hệ hôn nhân nên không xem xét. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng cuộc hôn nhân giữa chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 không có hạnh phúc, đời sống chung giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị T1.

[3] Về con chung: Tại phiên hòa giải ngày 03/8/2018 chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 đã tự thỏa thuận thống nhất giao cháu Triệu Minh P, sinh

ngày 21/9/2009 cho anh Triệu Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2018 cháu Triệu Minh P trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng bố, nguyện vọng này của cháu là chính đáng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Tại hòa giải và tại phiên tòa anh Triệu Văn T2 trình bày: "Nếu mức cấp dưỡng là 800.000 đồng thì phải thanh toán theo năm, không nhất trí thanh toán theo tháng nếu không thì không cần yêu cầu". Tuy nhiên cũng tại hòa giải và tại phiên tòa chị Triệu Thị T1 vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng với phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Xét thấy việc chị Triệu Thị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung và thanh toán theo hàng tháng là phù hợp pháp luật cần được chấp nhận và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do tại phiên hòa giải nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu mà nguyên đơn tự nguyện để lại tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 4 rộng 80m^2 tại Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng sơn và 01 xe máy hiệu HONDA WAVE RSX đăng ký ngày 04/12/2015 cho con trai Triệu Minh P quản lý, sử dụng.

[6] Vay nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị Triệu Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Chị Triệu Thị T1, anh Triệu Văn T2 có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T1 được ly hôn với anh Triệu Văn T2.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị T1 và anh Triệu Văn T2 giao cháu Triệu Minh P, sinh ngày 21/9/2009 cho anh Triệu Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị T1 có quyền đi lại thăm con không ai được ngăn cản.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Triệu Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị Triệu Thị T1, anh Triệu Văn T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Triệu Thị T1 phải chịu là 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng chẵn)* sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2012/03746 ngày 25/7/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Triệu Thị T1 phải nộp tiếp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Triệu Văn Thái